

Số: 67/2024/QĐST-HNGĐ

MS, ngày 08 tháng 4 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 103/2024/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2024 giữa:

Nguyên đơn: Chị Lò Thị L, sinh năm 1992. Nơi ĐKKHKT và nơi ở: Bản SM, xã CV, huyện MS, tỉnh Sơn La.

Bị đơn: Anh Chăm Quang T, sinh năm 1983. Nơi ĐKKHKT và nơi ở: Tiểu khu A, thị trấn HL, huyện MS, tỉnh Sơn La. Hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Hoàng Tiến - Cục C10 Bộ Công an.

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27, điểm đ khoản 1, khoản 3 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 3 năm 2024;

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 3 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:** Chị Lò Thị L và anh Chăm Quang T.

**2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

a. Về tình cảm: Chị Lò Thị L và anh Cầm Quang T nhất trí thuận tình ly hôn.

b. Về con chung:

Chị L, anh T có 01 con chung là cháu Cầm Huy H sinh ngày 25/10/2020. Chị L và anh T thống nhất: Giao cháu Cầm Huy H cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu H trưởng thành (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động) hoặc đến khi có yêu cầu khác theo quy định của pháp luật.

Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L do chị L chưa có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, anh T được quyền thăm nom con, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

c. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

d. Về án phí: Chị Lò Thị L được miễn án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm do là người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Chị L tự nguyện nhận chịu thay phần tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm anh T phải chịu là 75.000 VNĐ (bảy mươi lăm nghìn đồng).

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.*

**4.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện MS;
- TAND tỉnh Sơn La;
- Chi cục THADS huyện MS;
- UBND xã CV, huyện MS;
- Lưu: hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Hà Minh Quân**

